

Bản án số: 188/2022/DS-PT

Ngày: 04/8/2022

V/v tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 và ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị C, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Thị M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị D, sinh năm 1937

Địa chỉ: Ấp L Th, xã L Th, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường Th C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thanh T – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

(Theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.)

Địa chỉ: ấp T P, xã P T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thành H, Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Năm 1985, ông Đ đưa đất gốc của ông vào Nông trường Cồn Bà với diện tích là 5.800m², địa chỉ phần đất tại ấp T A, xã T P, huyện Gò Công Tây (nay là ấp T B, xã T T, huyện Tân Phú Đông). Đến ngày 10 tháng 10 năm 1991, Nông trường Cồn Bà có trả lại đất gốc cho ông Đ với diện tích là 5.800m², tại phần đất trên. Vị trí đất nông trường trả lại là từ đê giữa (huyện lộ 83C) đến đê sông Cửa Trung. Đến ngày 06 tháng 02 năm 2002, ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 292, loại đất vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336, cho hộ ông Nguyễn Văn Đ. Quá trình sử dụng thì ông sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đã ngăn cản việc sử dụng đất của ông Đ. Nhưng mâu thuẫn gay gắt xảy ra vào năm 2020, khi đó ông H và bà T lấn chiếm toàn bộ phần đất tranh chấp thuộc thửa 292 của ông Đ với diện tích theo đo đạc thẩm định là 89,6m², ông H và bà T không cho ông sử dụng phần đất này. Theo biên bản xác minh ngày 08 tháng 10 năm 2020, ông Trần Chí H nguyên cán bộ Nông trường Cồn Bà cho biết ngày 10 tháng 10 năm 1991, khi ông còn công tác tại Nông trường Cồn Bà có cấp đất theo chỉ thị số 02 và kế hoạch số 16 của Huyện ủy Gò Công

Tây trả đất về chân ruộng gốc và thu thành quả lao động. Thành quả lao động là công lên lúp, trồng dừa và chăm sóc. Khi đó ông Nguyễn Văn Đ được cấp lại 0.58ha (5.800m²). Vị trí cấp là từ đê giữa (huyện lộ 83C) đến đê Sông Cửa Trung. Còn ngoài đê sông Cửa Trung nếu có cấp thì có biên bản riêng. Khi cấp thì ông Đ phải trả thành quả lao động là 1.160.000đ (Một triệu một trăm sáu chục nghìn đồng). Theo biên bản xác minh ngày 18 tháng 11 năm 2020, ông Đinh Văn H nguyên Phó giám đốc Nông trường Côn Bà.

Nay ông Đ yêu cầu ông H và bà T trả lại cho ông Đ và các thành viên trong hộ phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002. Yêu cầu ông H và bà T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ

Bị đơn ông Nguyễn Thành H trình bày: Phần đất mà ông Đ tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của ông Hiệp ở thửa 60, tờ bản đồ TT2C, diện tích 3.224m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 272, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho cá nhân Nguyễn Thành H. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông H thừa kế của cha ông là ông Hồ Văn S. Phần đất tranh chấp là cha ông sử dụng từ khi nông trường trả về đất gốc đến nay.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thì ông không đồng ý. Trước đây ông H có khởi kiện phản tố về việc đòi quyền sử dụng đất nhưng nay ông H rút lại yêu cầu. Ông thống nhất với biên bản thẩm định, định giá do Tòa án tiến hành thẩm định, định giá. Thống nhất phần đất các bên đang tranh chấp là 89,6m² theo biên bản thẩm định, định giá.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Thống nhất với ông Nguyễn Thành H về nguồn gốc đất. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thì bà T không đồng ý. Trước đây bà T có khởi kiện phản tố về việc đòi quyền sử dụng đất nhưng nay bà rút lại yêu cầu. Bà thống nhất với biên bản thẩm định, định giá do Tòa án tiến hành thẩm định, định giá. Thống nhất phần đất các bên đang tranh chấp là 89,6m² theo biên bản thẩm định, định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C trình bày: Bà thống nhất với ông Nguyễn Văn Đ về nguồn gốc đất. Nay bà C yêu cầu ông H và bà T trả lại cho hộ gia đình bà phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002. Yêu cầu ông H và bà T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày: Thống nhất với ông Nguyễn Văn Đ về nguồn gốc đất. Nay chị Th yêu cầu ông H và bà T trả lại hộ gia đình chị phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002. Yêu cầu ông H và bà T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Thông nhất với ông Nguyễn Văn Đ về nguồn gốc đất. Nay chị M yêu cầu ông H và bà T trả lại hộ gia đình chị phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002. Yêu cầu ông H và bà T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Thông nhất với ông Nguyễn Văn Đ về nguồn gốc đất. Nay chị P yêu cầu ông H và bà T trả lại hộ gia đình chị phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002. Yêu cầu ông H và bà T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Thành H có vay và thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Tân Phú Đông nhưng xét thấy giá trị tài sản tranh chấp không lớn, không ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 76/2021/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 169, 175 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông H và bà T trả lại hộ ông Nguyễn Văn Đ phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002 và yêu cầu ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ ở phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp T B, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T trả lại ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc Th, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc P

phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, địa chỉ tại ấp T B, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, phần đất có tứ cận:

- + Đông giáp: Nguyễn Thành H;
- + Tây giáp: Nguyễn Thành H;
- + Nam giáp: Nguyễn Văn Đ;
- + Bắc giáp đường dal. *(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc Ph ở phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp T B, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T liên đới trả lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền chi phí thẩm định, định giá, đo đạc là 4.101.439 đ *(bốn triệu một trăm linh một nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả lại phần diện tích đất 89,6m², địa chỉ phần đất tranh chấp tại ấp T B, xã T Th, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29/6/2021, bị đơn Nguyễn Thành H, Phạm Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, công nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà T đối với phần đất 89,6 m² thuộc thửa đất số 60.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ xác định người liên quan là chị Nguyễn Thị M đã định cư tại Nhật Bản trước khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án này. Bà T trình bày không có làm đơn xin vắng mặt cho chị M, cũng không biết việc này. Lần cuối cùng chị M về Việt Nam là chưa phát sinh tranh chấp, Tòa án chưa thụ lý vụ án. Do đó, về thẩm quyền giải quyết là của Tòa án cấp tỉnh. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án giải quyết theo thẩm quyền.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành H, bà Phạm Thị T, lời trình bày của

các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Về người tham gia tố tụng: Theo trình bày của Phạm Thị T là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị M, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chị Mền đã sinh sống tại Nhật Bản; ông H và bà Tt (là cha mẹ của chị M) cho biết khi giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông bà không có biết về việc có đơn xin vắng mặt của chị M trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, qua thu thập chứng cứ, được xác nhận của Phòng an ninh đối ngoại - Công an tỉnh Tiền Giang tại Văn bản số 430/PA01 ngày 22/4/2022, cho biết chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 01/01/1993 xuất cảnh lần gần nhất qua cửa khẩu SBQT Tân Sơn Nhất vào ngày 07/01/2020. Như vậy, tại giai đoạn phúc thẩm chị M đang ở nước ngoài; Tuy nhiên, xem xét chị M chỉ là thành viên trong hộ ông H, nguồn gốc đất là của cha mẹ ông H để lại, khi cấp quyền sử dụng lần đầu là cấp cho cá nhân ông H. Việc xét xử vắng mặt của Tòa sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị M, cấp sơ thẩm cũng không biết được trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án thì chị M sinh sống, làm việc ở đâu. Tòa án huyện Tân Phú Đông không có vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền. Tại giai đoạn phúc thẩm cũng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, khác nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Tài sản tranh chấp là diện tích 89,6m², theo nguyên đơn trình bày là thuộc thửa đất số 292, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06/02/2002 có diện tích 4.934m² tại địa chỉ ấp T B, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Đối diện qua lộ đường đàng công cộng là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.224m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho ông Nguyễn Thành H ngày 12/10/2000, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Thành H ngày 10/11/2013.

[2.1]- Theo kết quả đo đạc ngày 27/8/2020 thì diện tích đất thực tế hộ ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng là 5.005m² (chưa tính diện tích tranh chấp 89,6m²), trong khi được nhà nước cấp quyền sử dụng diện tích là 4.934m² (diện tích thực tế lớn hơn diện tích được cấp quyền sử dụng). Còn thửa đất số 60 của ông H thì hiện nay qua đo đạc thực tế có diện tích là 3.417,3m² (diện tích thực tế lớn hơn diện tích được cấp quyền sử dụng là 193,3m², theo bà T trình bày là do sông bồi đắp). Căn cứ vào hiện trạng thực tế cả 02 diện tích của ông Đ và ông H đều có dư ra nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp. Theo tài liệu, chứng cứ thì ông Đ có cung cấp Biên bản về việc trả thành quả lao động líp nhận khoán số 55 ngày 10/10/1991 của Nông trường Cồn Bà, nội dung là ông Nguyễn Văn Đ được trả lại diện tích 0,58 líp (0ha58), ông Đ trả thành quả lao động là 1.160.000 đồng, có đóng dấu xác nhận của ông Đinh Văn H là phó giám đốc Nông trường,

trong biên bản này ông Trần Chí H khi đó là cán bộ Nông trường cũng xác nhận có việc này.

Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành thu thập chứng cứ, Cơ quan lưu giữ hồ sơ là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Tây và Tân Phú Đông không cung cấp được vì cho rằng không còn lưu giữ hồ sơ về trình tự, thủ tục cấp đất cho ông Đ và ông H; cho nên không xác định được vị trí, diện tích khi được cấp giấy của thửa đất 292 của ông Đ và thửa 60 của ông H. Theo phiếu cung cấp dữ liệu của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phú Đông xác nhận trên bản đồ địa chính không thể hiện đê sông Cửa Trung. Ông Lê Thanh L là cán bộ địa chính xã T T xác nhận trong biên bản xác minh ngày 09/3/2021: *“Khi làm ấp T B thì Ủy ban nhân dân xã T Th chỉ họp dân thống nhất làm đường, không có biên bản hiến đất cụ thể, đường đản ấp T B cũng nằm trên vị trí đê sông Cửa Trung. Trên sơ đồ địa chính phía bắc thửa 292 là giáp thửa 60, giữa 02 thửa không có đê sông Cửa Trung”*. Phần đất tranh chấp mặc dù ông L xác nhận là do ông H sử dụng, nhưng không có căn cứ chính xác là diện tích 89,6m² do ông Đ hay do ông H trực tiếp sử dụng xuyên suốt từ trước cho đến nay, vì là đám lá dừa nước hoang sơ liền kề thửa 292, không có cọc ranh, bờ ranh cụ thể, khi ông Đ chặt dừa sử dụng thì ông H ngăn cản.

[2.2]- Như vậy: Diện tích đất của ông Đ và ông H đều có dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp. Diện tích 89,6m² liền kề thửa 292 của ông Đ, tiếp giáp đường đản công cộng, qua đường đản công cộng là thửa 60 của ông H. Mặc dù, không có chứng cứ cụ thể rõ ràng đê sông Cửa Trung có phải là đường đản hiện hữu hay không, nhưng thể hiện qua bản đồ địa chính thì thửa 292 và thửa 60 có vị trí tiếp giáp thẳng hàng là đường đản công cộng, trong sơ đồ địa chính khi cấp giấy chứng nhận cho ông Đ và ông H cũng không có thể hiện là thửa 60 có chông lán qua đường đản. Ông H cho rằng diện tích 89,6m² thuộc thửa 60 là không có cơ sở vững chắc, ông Đ có nêu được chứng cứ là Nông trường có giao cho ông diện tích 0,58ha vào năm 1991 để ông sử dụng (trong khi cấp giấy thì chỉ có 4.934m²) là có căn cứ. Không có căn cứ diện tích thửa 60 của ông H chông lán qua đường đản công cộng, để tiếp giáp thửa 292 của ông Đ.

[3]- Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T.

[4]- Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét, nhưng không cần thiết phải hủy án sơ thẩm theo thẩm quyền.

[5]- Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]- Không xem xét về chi phí tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm, do đương sự không có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 169, 175 Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2021/DS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông H và bà T trả lại hộ ông Nguyễn Văn Đ phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 336 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 06 tháng 02 năm 2002 và yêu cầu ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ ở phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp T B, xã T Th, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T trả lại ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc P phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, địa chỉ tại ấp T B, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, phần đất có tứ cận:

- + Đông giáp: Nguyễn Thành H;
- + Tây giáp: Nguyễn Thành H;
- + Nam giáp: Nguyễn Văn Đ;
- + Bắc giáp đường đàng. *(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

- Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc Ph ở phần đất diện tích là 89,6m², thuộc thửa 292, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp T B, xã T Th, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thành H và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 49805 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như thi hành xong về án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2022, có mặt các đương sự.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu

